

Số: 40/2022/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 10 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm
hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định,
nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị;

Xét Tờ trình số 15/TTr-TTHĐND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định theo Nghị quyết này được cân đối, bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Hội đồng nhân dân các cấp theo phân cấp hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2011-2016; Nghị quyết số 26/2016/NQ- HĐND ngày 22/7/2016 và Nghị quyết số 19/2021/NQ- HĐND ngày 27/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 11/NQ- HĐND ngày 26/7/2013 của Hội đồng nhân dân, tỉnh nhiệm kỳ 2011-2016 quy định chế độ, định mức chi phục vụ hoạt động HĐND các cấp tỉnh Bình Định hết hiệu lực thi hành kể từ ngày nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và có hiệu lực thi hành.
4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp. *th*

CHỦ TỊCH



Hồ Quốc Dũng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021 -2026
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2021 -2026, gồm:

a) Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân, họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp, cuộc họp của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.

b) Chi xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hằng năm, báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; các báo cáo, tham luận, bài phát biểu phục vụ hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân.

c) Chi thẩm tra báo cáo, tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân, báo cáo thẩm tra các nội dung thỏa thuận giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân và nội dung trình phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, chi lấy ý kiến tham gia các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các bộ ngành Trung ương.

d) Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát.

đ) Chi hoạt động tiếp xúc cử tri.

e) Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức.

f) Chi hỗ trợ tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

g) Chi hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp.

h) Một số chế độ chi khác.



2. Các khoản chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp không quy định trong Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nội dung và mức chi được áp dụng đối với hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp theo yêu cầu.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc áp dụng các nội dung và mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo đúng đối tượng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp căn cứ dự toán ngân sách được giao hàng năm và tình hình thực tế của Hội đồng nhân dân cấp mình để quyết định cụ thể các khoản chi khác.

3. Trường hợp kỳ họp HĐND, các phiên họp, cuộc họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các Đoàn kiểm tra, giám sát, khảo sát nếu tổ chức vào ngày nghỉ thì được bồi dưỡng bằng 200% mức chi tương ứng của ngày làm việc bình thường theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân, họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp, cuộc họp Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi kỳ họp Hội đồng nhân dân				
a	Tiền ăn	đồng/ngày	300.000	240.000	190.000
-	Chi tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân, khách mời ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên, các huyện miền núi 10 km trở lên) tham dự kỳ họp được bố trí ăn tại nhà khách, khách sạn. Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu tự túc ăn thì được nhận bằng tiền.				
b	Tiền giải khát				
-	Đại biểu HĐND và đại biểu mời	đồng/buổi	40.000	32.000	26.000
-	Các thành phần tham gia phục vụ	đồng/buổi	30.000	24.000	20.000

Th

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
c	Nếu mời cơm thân: Thực hiện như chế độ tiếp khách theo quy định hiện hành				
-	Trường hợp tiền ăn phát sinh theo thực tế giao Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.				
d	Về phòng ở				
-	<i>Cấp tỉnh:</i> Đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên) được mời dự kỳ họp HĐND tỉnh, được bố trí chỗ ở. Mức chi thuê phòng ở thực hiện theo chế độ nhà nước quy định.				
-	<i>Cấp huyện:</i> Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện ở xa (cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên, các huyện miền núi 10 km trở lên) nếu có nhu cầu chỗ ở thì được bố trí. Mức tiền thuê phòng ở (nếu có) thực hiện theo chế độ quy định.				
đ	Chế độ bồi dưỡng kỳ họp HĐND				
-	Chủ tọa kỳ họp	đồng/buổi	200.000	160.000	130.000
-	Thư ký kỳ họp	đồng/buổi	150.000	120.000	100.000
-	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/buổi	120.000	100.000	80.000
-	Đại biểu mời tham dự kỳ họp	đồng/buổi	100.000	80.000	60.000
	Đại biểu nguyên là lãnh đạo tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định				
-	Cán bộ, công chức Văn phòng phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân; Phóng viên các cơ quan thông tấn báo chí, biên tập viên Đài Truyền thanh trực tiếp đưa tin kỳ họp	đồng/buổi	100.000	80.000	60.000
-	Nhân viên Văn phòng; Lực lượng bảo vệ kỳ họp, nhân viên y tế, nhân viên kỹ thuật, nhân viên phục vụ khác.	đồng/buổi	75.000	60.000	50.000
-	Chi hỗ trợ Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định tổ chức truyền hình trực tiếp và đưa tin các hoạt động của HĐND tỉnh tại kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.				
-	Xây dựng nội dung, chương trình kỳ họp; chương trình điều hành kỳ họp Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	390.000	200.000	100.000
-	Diễn văn khai mạc; bế mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	650.000	330.000	170.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
-	Tờ trình về kết quả phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp của Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	400.000	200.000	100.000
-	Chi Biên bản kỳ họp; đề cương báo cáo kết quả kỳ họp Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	1.300.000	650.000	330.000
-	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp các ý kiến thảo luận tổ tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	1.950.000	980.000	
2	Chế độ bồi dưỡng họp Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Hội nghị giao ban giữa Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp, các cuộc họp khác của Thường trực Hội đồng nhân dân (họp báo, họp rút kinh nghiệm kỳ họp, ...)				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	150.000	120.000	100.000
-	Thành viên dự họp	đồng/buổi	100.000	80.000	60.000
-	Cán bộ, công chức Văn phòng phân công giúp việc	đồng/buổi	100.000	80.000	60.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	40.000	30.000	25.000
-	Kết luận hoặc thông báo nội dung kết quả cuộc họp	đồng/văn bản	300.000	200.000	100.000
-	Đại biểu ở xa được bố trí ăn, nghỉ theo tiêu chuẩn như kỳ họp Hội đồng nhân dân.				
3	Các khoản chi phục vụ Thường trực Hội đồng nhân dân				
-	Bài viết hoặc nội dung trả lời phỏng vấn của báo chí; bài phát biểu, báo cáo tham luận của Thường trực Hội đồng nhân dân tại các Hội nghị	đồng/văn bản	500.000	300.000	150.000
4	Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung chi, mức chi của Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đăng cai tổ chức.				

Điều 5. Chi xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ, hàng năm của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân; báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (đối với Nghị quyết không phải là văn bản quy phạm pháp luật)				
a	Chi xây dựng tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết	đồng/văn bản	600.000	300.000	150.000
b	Chi xây dựng nghị quyết về công tác nhân sự	đồng/nghị quyết	250.000	130.000	70.000
c	Chi xây dựng các nghị quyết còn lại (trừ Nghị quyết được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này)	đồng/nghị quyết	650.000	330.000	170.000
d	Các Nghị quyết sửa đổi, bổ sung bằng 50% mức chi nghị quyết mới tương ứng ban hành tại điểm b khoản 1 Điều này				
2	Chi chỉnh lý kỹ thuật, hoàn thiện Nghị quyết sau khi Hội đồng nhân dân thông qua	đồng/nghị quyết	180.000	90.000	50.000
3	Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết; báo cáo của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy; báo cáo theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan Trung ương	đồng/văn bản	500.000	300.000	150.000
4	Chi báo cáo công tác sơ kết; tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	1.000.000	500.000	250.000
5	Chi xây dựng báo cáo, văn bản tương ứng của các Ban Hội đồng nhân dân trình kỳ họp Hội đồng nhân dân bằng 90% mức chi của Thường trực Hội đồng nhân dân.				

Điều 6. Chi cho công tác thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân; chi xây dựng báo cáo tham gia ý kiến đối với các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết và các văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

Th

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi cho công xây dựng văn bản				
a	Báo cáo thẩm tra: các dự thảo Nghị quyết; các nội dung thỏa thuận giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, các nội dung giải trình tại phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/văn bản	450.000	230.000	120.000
b	Báo cáo tổng hợp nội dung tham gia góp ý các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết ... theo yêu cầu của cấp trên	đồng/văn bản	1.000.000	500.000	250.000
2	Chế độ bồi dưỡng họp				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	150.000	120.000	100.000
-	Thành viên dự họp	đồng/buổi	100.000	80.000	60.000
-	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	40.000	30.000	25.000

Điều 7. Chi hoạt động kiểm tra, giám sát, khảo sát và hoạt động chất vấn

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi hoạt động kiểm tra, giám sát				
a	Chi xây dựng văn bản kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân				
-	Chi thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát (quyết định, kế hoạch và đề cương)	đồng/bộ văn bản	650.000	330.000	170.000
-	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	1.500.000	750.000	380.000
b	Chi xây dựng văn bản giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bằng 90% mức chi xây dựng văn bản giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân.				
c	Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân mức chi bằng 80% tại điểm a khoản 1 Điều này; Chi xây dựng văn bản cho hoạt động khảo sát của các Ban Hội đồng nhân dân, các				

th

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
	tổ đại biểu Hội đồng nhân dân mức chi cho xây dựng văn bản bằng 80% tại điểm b khoản 1 Điều này.				
d	Chế độ bồi dưỡng Đoàn kiểm tra, giám sát, khảo sát				
-	Trưởng đoàn	đồng/buổi	150.000	120.000	100.000
-	Phó Trưởng đoàn	đồng/buổi	120.000	100.000	80.000
-	Thành viên	đồng/buổi	100.000	80.000	60.000
-	Cán bộ, công chức Văn phòng tham gia phục vụ đoàn giám sát, Phóng viên Báo Bình Định, Đài Phát Thanh - Truyền hình	đồng/buổi	80.000	60.000	50.000
-	Nhân viên lái xe, phục vụ	đồng/buổi	60.000	50.000	40.000
đ	Trong trường hợp thành viên tham gia kiểm tra, giám sát, khảo sát khi đi công tác mà địa điểm làm việc cách trụ sở cơ quan từ 15 km trở lên (các huyện miền núi từ 10 km trở lên) đã được bố trí phương tiện đi lại, phục vụ ăn tập trung thì không được thanh toán phụ cấp công tác phí. Mức chi tiền ăn như mức chi tiền ăn của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp. Tiền thuê phòng nghỉ (nếu có) thực hiện theo quy định.				

Điều 8. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri (TXCT)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi hỗ trợ Hội nghị tiếp xúc cử tri (đề trang trí, nước uống, bồi dưỡng Chủ trì, cán bộ trực tiếp phục vụ hội nghị tiếp xúc cử tri ...)	đồng/điểm	1.500.000	1.200.000	960.000
2	Chế độ bồi dưỡng tiếp xúc cử tri:				
a	Đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/điểm	300.000	240.000	190.000
b	Các thành phần tham dự theo giấy mời của Thường trực Hội đồng nhân dân	đồng/điểm	100.000	80.000	60.000
c	Cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng tham gia phục vụ, phóng viên báo, đài Phát thanh - Truyền hình	đồng/điểm	100.000	80.000	60.000

Th

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
d	Chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri: 100.000 đồng/người/điểm				
3	Kinh phí hỗ trợ cho cấp xã để tổ chức điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố chi và quyết toán theo quy định hiện hành.				
4	Kinh phí hỗ trợ điểm tiếp xúc cử tri cho đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã do ngân sách địa phương bố trí theo quy định.				
a	Đối với chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, chi từ nguồn kinh phí tại điểm 1 Điều này. Đối với chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã thì chi từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp mình.				
b	Chi bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân và các thành phần tham dự tiếp xúc cử tri cấp nào mời thì chi từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cấp đó.				
5	Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân viết báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri gửi về Tổ trưởng để tổng hợp	đồng/báo cáo	200.000	160.000	
6	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kiến nghị cử tri trình Hội đồng nhân dân	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000	250.000

Điều 9. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, tổ chức

phần ảnh của công dân, tổ chức

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi tiếp công dân: Thực hiện các mức chi theo quy định hiện hành.				
2	Chi xây dựng Thông báo kết luận tiếp công dân	đồng/báo cáo	400.000	200.000	100.000
3	Chi xây dựng báo cáo đề xuất giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo, trình hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền (theo chỉ đạo Thường trực Hội đồng nhân dân)	đồng/báo cáo	600.000	300.000	150.000

Th

Điều 10: Chế độ hỗ trợ tổ đại biểu

Hằng năm, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh lập dự toán đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu trong kế hoạch chi cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố để chi kinh phí cho hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Kinh phí hoạt động của tổ đại biểu Hội đồng nhân dân (cấp theo số lượng đại biểu mỗi tổ)	đồng/đại biểu/năm	5.000.000	2.500.000	Không có tổ đại biểu HĐND
2	+ Đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nội dung chi bao gồm: Chi họp Tổ đại biểu; xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri; bố trí ăn, nghỉ cho đại biểu về tiếp xúc cử tri (Mức chi tiền ăn bằng mức chi tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh) + Đối với Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện do ngân sách huyện đảm bảo.				
3	Chế độ bồi dưỡng họp tổ đại biểu Hội đồng nhân dân				
a	Chủ trì cuộc họp	đồng/buổi	150.000	120.000	Không có tổ đại biểu
b	Các thành viên dự họp	đồng/buổi	100.000	80.000	
c	Nhân viên phục vụ	đồng/buổi	40.000	30.000	
d	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các báo cáo khác theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân.	đồng/văn bản	200.000	150.000	
Nguồn kinh phí : Kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh được ngân sách tỉnh hỗ trợ cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố thực hiện.					

Điều 11. Chế độ hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân, hỗ trợ cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp.

Th

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chế độ phụ cấp kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo của Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước				
2	Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ bảo hiểm xã hội thì chỉ trả tiền công lao động cho những ngày làm việc thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu hội đồng nhân dân.				
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Hệ số 0,14 mức lương cơ sở/ngày; tính cho 45 ngày làm việc/năm.				
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Hệ số 0,12 mức lương cơ sở/ngày; tính cho 30 ngày làm việc/năm				
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Hệ số 0,10 mức lương cơ sở/ngày; tính cho 20 ngày làm việc/năm.				
3	Đại biểu Hội đồng nhân dân không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế từ nguồn kinh phí hoạt động Hội đồng nhân dân cùng cấp.				
4	Chế độ thông tin, báo chí				
a	Mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được cấp 01 tờ báo Người đại biểu Nhân dân và 01 tờ báo Bình Định theo số ra định kỳ				
b	Hỗ trợ chi phí khai thác internet phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân	đồng/đại biểu/năm	1.200.000	960.000	770.000
5	Chi hỗ trợ may trang phục				
a	Trong nhiệm kỳ: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã được cấp tiền may 01 bộ trang phục.	đồng/bộ	4.000.000	2.500.000	2.000.000
b	Trong nhiệm kỳ: đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp được cấp tiền mua 02 cặp đựng tài liệu	đồng/cái	1.000.000	800.000	640.000

2h

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
c	Trong nhiệm kỳ: Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh được cấp tiền may 02 bộ trang phục; Cán bộ, công chức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, giúp việc trực tiếp hoạt động Hội đồng nhân dân được cấp tiền may 01 bộ trang phục	đồng/bộ	2.500.000	2.000.000	
6	Chế độ hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ, hàng năm cho đại biểu Hội đồng nhân dân (Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đã hưởng chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ theo chức danh, chức vụ theo quy định thì không hưởng chế độ chi theo Nghị quyết này). Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.	đồng/đại biểu/năm	3.000.000	2.400.000	1.900.000
7	Khoản hỗ trợ chi phí đi lại đối với đại biểu hội đồng nhân dân:				
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân tỉnh 3.000.000đồng/đại biểu/năm; Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động không chuyên trách là thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và Tổ trưởng, Tổ phó các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân: 5.000.000đ/đại biểu/năm.				
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân cấp huyện 2.400.000đ/đại biểu/năm; Riêng đại biểu Hội đồng nhân dân huyện hoạt động không chuyên trách là thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân huyện và Tổ trưởng, tổ phó các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 4.000.000đ/đại biểu/năm.				



 7h

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
-	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: Khoản hỗ trợ chi phí đi lại để thực hiện nhiệm vụ cho Hội đồng nhân dân cấp xã: 1.900.000đ/đại biểu/năm.				
8	Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi từ ngân sách nhà nước (theo quy định pháp luật).				
9	Chế độ tặng quà lưu niệm cho đại biểu Hội đồng nhân dân khi kết thúc nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định. Chế độ tặng quà lưu niệm cho cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân và các đối tượng khác nhân dịp Tổng kết nhiệm kỳ hoạt động Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.				
10	Chi hoạt động Ban biên tập, chi phí phát hành Bản tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của Hội đồng nhân dân tỉnh: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và tính đặc thù của Tờ thông tin hoạt động Hội đồng nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử để quyết định các nội dung chi cụ thể.				
11	Chi tổ chức các đoàn đi nghiên cứu, học tập, trao đổi kinh nghiệm; bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu Hội đồng nhân dân (trong và ngoài nước) do Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định.				
12	Trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác				
-	Cấp tỉnh: Trong một nhiệm kỳ mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được trang cấp 01 máy tính bảng (hoặc thiết bị điện tử tương đương) để sử dụng phần mềm ký hợp không giấy. Cấp huyện: Tùy theo điều kiện ngân sách địa phương, Thường trực HĐND quyết định việc trang cấp máy tính bảng (hoặc thiết bị điện tử tương đương) cho đại biểu HĐND cấp mình. Tiêu chuẩn, định mức thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.				

Điều 12. Một số nội dung và mức chi khác

Điểm 12: Một số nội dung					
STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
1	Chi thăm hỏi khi ốm đau nằm viện, lễ tang, các hoạt động khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân				

th

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi các cấp		
			Tỉnh	Huyện	Xã
a	Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân, nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm) Thăm hỏi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã đương nhiệm khi ốm đau nằm viện (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	1.000.000	1.000.000	500.000
b	Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị bệnh hiểm nghèo (không quá 02 lần/năm)	đồng/người /lần	5.000.000	3.000.000	2.000.000
c	Trường hợp nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bị bệnh hiểm nghèo, mức hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người/lần (không quá 02 lần/năm). Đối với nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã bị bệnh hiểm nghèo, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định mức hỗ trợ, tùy theo điều kiện ngân sách địa phương.				
d	Phúng điếu đại biểu Hội đồng nhân dân; nguyên là đại biểu Hội đồng nhân dân. Thân nhân cha, mẹ đẻ hoặc cha, mẹ vợ (chồng) hoặc vợ, chồng, con đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiệm	đồng/người /lần	2.000.000	1.000.000	500.000
đ	Chi hỗ trợ đột xuất khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định				
e	Chi tặng quà cho tổ chức, cá nhân nhân dịp lễ, tết do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.				
2	Chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện như khoản 1 Điều này.				
3	Chi thăm hỏi, phúng điếu, đối với các đối tượng khác do Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.				
4	Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp giúp việc cho Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm với mức chi do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định				

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện.

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Hàng năm, căn cứ chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các quy định chi tại Nghị quyết này, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ, giao dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp; tham mưu, giúp Thường trực Hội đồng nhân dân quản lý, điều hành kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật liên quan.

3. Nội dung chi, mức chi quy định cho cấp huyện, cấp xã tại nghị quyết này là mức chi tối đa. Tùy điều kiện ngân sách của cấp mình, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp quyết định mức chi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhưng không được thấp hơn 50% so với mức chi được quy định trong nghị quyết này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp kịp thời báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Th